

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**
Số 110/2020/HS-ST
Ngày 22/07/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Hiên;
Bà Nguyễn Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 98/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 06 năm 2020 theo Quyết định đưa ra xét xử số 96/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 06 năm 2020, đối với bị cáo:

Hoàng Đức N, sinh năm 1979; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã L, huyện G, thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; họ tên cha: Hoàng Văn C (đã chết); họ tên mẹ: Trần Thị H; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: 01 tiền sự - Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Hoàng Đức N trong thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 09/2020/QĐ-TA ngày 10/03/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm; nhân thân: Bản án số 08/2008/HSST ngày 22,24/01/2008 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xử phạt Hoàng Đức N 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng về tội “*Đánh bạc*”, đã xóa án tích; Bản án số 157/2012/HSST ngày 05/09/2012 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xử phạt Hoàng Đức N 06 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, đã xóa án tích; Bản án số 111/2016/HSST ngày 19/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xử phạt

Hoàng Đức N 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/11/2017, đã xóa án tích.

Bị cáo đầu thú ngày 16/3/2020 và tạm giữ từ ngày 17/3/2020 đến ngày 26/3/2020 hủy bỏ tạm giữ. Hiện bị cáo đang cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện ma túy số 6 Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Trần Thị T, sinh năm 1962; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã C, huyện G, thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã P, huyện G, thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã P, huyện G, thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/3/2020, Công an xã C thuộc Công an huyện Gia Lâm nhận được đơn trình báo của bà Trần Thị T, sinh năm 1962; trú tại: Thôn V, C, huyện G, thành phố H về việc: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 10/3/2020, bà T dựng chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - bạc, BKS 29Z2-7292 ở sân nhà bà T và bị kẻ gian lấy trộm.

Qua rà soát camera, cơ quan điều tra đã thu giữ được hình ảnh camera của gia đình anh Nguyễn Anh H có ghi lại hình ảnh đối tượng trộm cắp chiếc xe máy của bà Trần Thị T được lưu giữ bằng USB.

Ngày 16/3/2020, Hoàng Đức N đến cơ quan Công an xã C đầu thú về hành vi trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - bạc, BKS 29Z2-7292 của nhà bà Trần Thị T vào ngày 10/3/2020 tại thôn V, C, huyện G, thành phố H.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Hoàng Đức N khai nhận: Hồi 13 giờ 00 phút ngày 10/3/2020, N đến ăn cơm tại nhà Hoàng Mạnh A, sinh năm 1984; trú tại: Thôn V, C, huyện G, thành phố H. Sau khi ăn cơm xong, N nảy sinh ý định đi vào trong làng xem nhà ai sơ hở thì trộm cắp tài sản để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. N đi vào ngõ nhỏ trong thôn V, C, phát hiện ở sân nhà bà Trần Thị T dựng chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ bạc BKS 29Z2 – 7292, xe vẫn cắm chìa khóa ở ổ khóa điện và không có ai trông giữ, N đi vào sân và ngồi lên xe mở khóa điện nổ xe máy phóng đi. Sau đó N đi chiếc xe máy trộm cắp được đến gặp Nguyễn Văn H, sinh năm 1989; trú tại: Thôn P 1, xã P, huyện G,

thành phố H nhờ H mang chiếc xe đi cầm cố vay tiền. H cùng N mang chiếc xe nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 29Z2 – 7292 đến quán sầm hình ở P 1, xã P, Gia Lâm đặt cầm cố chiếc xe máy BKS 29Z2 – 7292 cho Đỗ Văn T; sinh năm 1991; HKTT: Thôn Đ, xã Đ, huyện G vay 900.000 đồng. Số tiền này N nhờ Đ (không rõ nhân thân) mua ma túy đá rồi N, H cùng với An và Phan Thị Mộng T (tên gọi khác Đèo), cùng sử dụng ma túy tại nhà A. Tối ngày 14/3/2020, Bảo (không rõ nhân thân) cùng với N đến gặp và đưa cho T 1.300.000 đồng và lấy lại chiếc xe máy BKS 29Z2 – 7292 về. Đến ngày 16/3/2020, N lại đi xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 29Z2 – 7292 sang nhà H nhờ đặt xe vay tiền, H đi xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS 29Z2 – 7292 đến nhà Nguyễn Văn H, sinh năm 1992; trú tại: Thôn P 1, xã P, huyện G, thành phố H (là em trai) hỏi vay 2.000.000 đồng, H đồng ý, H đưa cho H 2.000.000 đồng và H để xe máy BKS 29Z2 – 7292 lại làm tin, cắt lãi 200.000 đồng sau đó H đưa cho N 1.800.000 đồng.

Về vật chứng thu giữ, gồm:

- Thu giữ của Nguyễn Văn H: 01 chiếc xe máy đã qua sử dụng nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - bạc BKS 29Z2-7292, số khung 058679, số máy 058679.

Tại Kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐG ngày 25/03/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Gia Lâm kết luận: 01 chiếc xe máy Yamaha Sirius, màu đỏ - bạc BKS 29Z2-7292, số khung 058679, số máy 058679, đã qua sử dụng có giá 3.500.000 đồng.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Lâm, Hoàng Đức N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Qua xác minh xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS 29Z2-7292, đứng tên đăng ký là chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1989 là con gái bà T. Từ năm 2011 đến nay, chị N đã cho bà T quản lý sử dụng chiếc xe máy trên nên ngày 01/4/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lâm đã trao trả chiếc xe máy nói trên cho bà Trần Thị T. Bà T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề gì về dân sự.

Đối với Nguyễn Văn H giúp N mang xe đi đặt cầm cố cho Đỗ Văn T và Nguyễn Văn H, bản thân Hải, T và H không biết đó là xe do N trộm cắp mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý gì đối với Hải, T và H.

Đối với Nguyễn Văn H có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, qua xét nghiệm kết quả dương tính chất ma túy nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Hải.

Đối với số tiền 1.800.000 đồng, H vay của N. Nay H không có yêu cầu hoặc đề nghị gì đối với số tiền này.

Tại bản Cáo trạng số 98/CT-VKSGL ngày 10 tháng 06 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm truy tố bị cáo Hoàng Đức N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tham gia phiên tòa luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng; sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hoàng Đức N từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 16/3/2020 đến ngày 26/3/2020; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Đối với số tiền 1.300.000 đồng, N khai là của Bảo (không rõ nhân thân) dùng để chuộc xe. Do chưa xác định được nhân thân của Bảo nên nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu và đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc bị cáo phải truy nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.800.000 đồng; tịch thu, lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 USB thu giữ của anh Nguyễn Anh H.

Sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, bị cáo không có tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lâm và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân huyện Gia Lâm và Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị hại là bà Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có lời khai đầy đủ tại Cơ quan điều tra; bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của bà T, anh H và anh H không gây trở ngại cho việc xét xử. Theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T, anh H và anh H.

[3] *Về hành vi phạm tội và tội danh:*

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa Phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, có đủ cơ sở kết luận:

Hồi 13 giờ 00 phút ngày 10/3/2020, tại nhà bà Trần Thị T ở thôn V, C, huyện G, thành phố H, bị cáo Hoàng Đức N đã có hành vi trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ đen BKS 29Z2-7292, đã qua sử dụng của bà Trần Thị T, có giá trị 3.500.000 đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] *Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo:*

[4.1] *Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được

tác hại và hậu quả gây ra nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với động cơ vụ lợi cá nhân.

[4.2] *Về nhân thân bị cáo*: Bị cáo là người nghiện ma túy. Ngày 10/03/2020, Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với anh Hoàng Đức N trong thời hạn 24 tháng theo Quyết định số 09/2020/QĐ-TA. Trong các năm 2008 và năm 2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm kết án về tội “*Đánh bạc*”; năm 2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đều đã được xóa án tích. Như vậy, thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, đã được các cơ quan pháp luật giáo dục, cải tạo nhiều lần, khi trở về nơi cư trú không cố gắng rèn luyện bản thân, hòa nhập cộng đồng, mà lại tiếp tục phạm tội.

[4.3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Sau khi trộm cắp tài sản, bị cáo đã tự nguyện ra trình diện và khai báo với cơ quan có thẩm quyền về hành vi phạm tội của mình. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Như vậy, bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tổng hợp nhận định ở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian bằng việc áp dụng hình phạt tù có thời hạn để đảm bảo việc răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Gia Lâm tại phiên tòa là Phù hợp.

[4.5] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Bị cáo là người nghiện ma túy, không có việc làm, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Về xử lý vật chứng*: Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Lâm đã trao trả chiếc xe máy Yamaha Sirius, màu đỏ-bạc BKS 29Z2-7292, số khung 058679, số máy 058679 cho bị hại là bà Trần Thị T, nay không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xét. Đối với chiếc USB thu giữ của anh Nguyễn Anh H, có chứa hình ảnh liên quan đến tội phạm; anh H tự nguyện giao nộp nên tịch thu, lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Đối với số tiền 1.800.000 đồng, H vay của H cho N. Nay H không có yêu cầu hoặc đề nghị gì đối với số tiền này. N khai đã dùng để chi tiêu cá nhân,

đây là số tiền do phạm tội mà có nên buộc bị cáo phải truy nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.800.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự của bị cáo nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với số tiền 1.300.000 đồng, N khai là của Bảo dùng để chuộc xe. Do chưa xác định được nhân thân của Bảo nên nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu và đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

[7] *Về án phải*: Bị cáo phạm tội phải chịu án phải hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] *Về các nội dung khác*:

Đối với người tên là Đô, theo lời khai của N và H là người mua ma túy cho N và Hải, do không xác định được nhân thân, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Nguyễn Văn H, Đỗ Văn T và Nguyễn Văn H, quá trình điều tra anh H, anh T và anh H không biết chiếc xe máy biển kiểm soát 29Z2-7292 là do bị cáo phạm tội mà có, Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với hành vi sử dụng ma túy của Nguyễn Văn H là vi phạm pháp luật, Công an huyện Gia Lâm đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với H theo Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Hoàng Đức N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. *Về hình phạt*:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hoàng Đức N 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 16/3/2020 đến ngày 26/3/2020.

2.2. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

3.1. Buộc bị cáo Hoàng Đức N phải truy nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.800.000 đồng do phạm tội mà có.

3.2. Tịch thu, lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 USB thu giữ của anh Nguyễn Anh H (theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu đề ngày 10/03/2020 của Công an xã C, huyện G, thành phố H).

4. *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên không xét.

Đối với số tiền 1.300.000 đồng, N khai là của Bảo dùm để chuộc xe. Do chưa xác định được nhân thân của Bảo nên nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu và đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

5. *Về án phải*: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phải, lệ phải Tòa án kèm theo.

Bị cáo Hoàng Đức N phải chịu 200.000 đồng án phải hình sự sơ thẩm.

6. *Về quyền kháng cáo*: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại là bà Trần Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Gia Lâm;
- Công an huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- UBND xã L (thay cho Thông báo kết quả xét xử);
- Cơ sở cai nghiện ma túy số 6 Hà Nội;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Trọng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA